

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2022/DS-PT

Ngày: 03 - 8 - 2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
hợp tác*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Đào.

Các Thẩm phán: Ông Trần Bá Kha.

Bà Nguyễn Thị Nhiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Vũ Tường Ninh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Bà Mai Thùy Dung - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 86/2022/TLPT-DS ngày 12 tháng 7 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng hợp tác*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2022/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B2, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 116/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông L1, sinh năm 1967; Có mặt.

Địa chỉ: Xã B1, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Q, sinh năm 1967 và bà L2, sinh năm 1969; Ông Q vắng mặt, bà L2 có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Q: Bà L2, sinh năm 1969 (Theo văn bản uỷ quyền ngày 01/8/2022);

Cùng địa chỉ: Xã N, huyện B2, tỉnh Kiên Giang.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà L2.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn ông L1 trình bày:**

Vào ngày 06/9/2019, ông có hùn vốn nuôi sò và đưa cho ông Q, bà L2, địa chỉ: Xã N, huyện B2, tỉnh Kiên Giang số tiền vốn đầu tư là 150.000.000 đồng, đến ngày 02/7/2020 (nhằm ngày 30/5/2020 âm lịch) thu hoạch, ông Q và bà L2 sẽ trả cho ông số tiền là 225.000.000 đồng. Khi đó ông Q ghi biên nhận nhưng đến hạn ông Q và bà L2 không trả tiền cho ông theo thỏa thuận. Như vậy, ông Q và bà L2 phải trả tiền lãi chậm trả cho ông trên số tiền vốn 225.000.000 đồng với mức lãi suất 10%/ năm tính từ ngày 02/7/2020 cho đến khi trả xong số nợ nói trên.

Nay ông yêu cầu ông Q và bà L2 phải trả cho ông số tiền vốn lãi tạm tính đến ngày 02/3/2022 là 284.997.600 đồng. Trong đó: 225.000.000 đồng tiền hùn nuôi sò, 59.997.600 đồng ($225.000.000 \text{ đồng} \times 0,8333\% / \text{tháng} \times 32 \text{ tháng}$) tiền lãi chậm trả và phải trả lãi phát sinh từ ngày 03/3/2022 cho đến khi trả xong số nợ nói trên, ông yêu cầu trả thời gian sớm nhất.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông L1 yêu cầu ông Q và bà L2 trả cho ông tiền hùn vốn nuôi sò là 225.000.000 đồng. Ông rút lại yêu cầu ông Q và bà L2 trả tiền lãi chậm trả, yêu cầu ông Q và bà L2 trả trong thời hạn 03 tháng, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

*** Bị đơn ông Q và bà L2 trình bày:**

Vào ngày 6/9/2019 ông bà có nhận tiền ông L1 hùn vốn nuôi sò là 150.000.000 đồng, hẹn đến ngày 02/7/2020 ông bà trả cho ông L1 225.000.000 đồng, khi đó có ghi biên nhận nhưng đến nay chưa trả số tiền hùn vốn cho ông L1 225.000.000 đồng. Ông bà thấy phần lãi suất thỏa thuận hùn vốn quá cao đến 75.000.000 đồng nên ông bà yêu cầu ông L1 giảm bớt tiền lãi. Đồng thời, vào năm 2019 và năm 2020 nuôi sò bị chết, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, tính đến nay tiền vốn và lãi là 284.997.600 đồng là quá cao, ông bà không đặt ra thời gian trả số tiền nói trên, ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Q, bà L2 đồng ý trả cho ông L1 225.000.000 đồng nhưng ông bà hẹn 06 tháng đầu trả 150.000.000 đồng và 06 tháng còn lại trả 75.000.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

*** Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2022/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B2, tỉnh Kiên Giang quyết định:**

1. Chấp nhận yêu cầu của ông L1, buộc ông Q và bà L2 phải trả cho ông L1 tiền hợp tác hùn vốn nuôi sò là 225.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử phần ông L1 rút lại yêu cầu ông Q và bà L2 trả tiền lãi chậm trả.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các bên đương sự theo quy định.

*** Ngày 22/4/2022, bị đơn bà L2 kháng cáo với nội dung:** Chỉ đồng ý trả cho ông L1 số tiền hùn vốn nuôi sò 150.000.000 đồng, nhưng xin trả dần cụ thể là ngày 30/5/2022 trả 50.000.000 đồng, ngày 30/7/2022 trả 50.000.000 đồng, ngày 30/9/2022 trả 50.000.000 đồng và không đồng ý trả số tiền lãi 75.000.000 đồng.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Bị đơn bà L2 đồng ý trả cho ông L1 số tiền hùn vốn nuôi sò 150.000.000 đồng, nhưng xin trả dần và không đồng ý trả số tiền lãi 75.000.000 đồng.

- Nguyên đơn ông L1 không đồng ý với yêu cầu của bà Trương Thị Lý xin trả dần cho ông L1 số tiền hùn vốn nuôi sò 150.000.000 đồng, đối với số tiền lãi 75.000.000 đồng thì ông tự nguyện chỉ yêu cầu bà L2 và ông Q trả 60.000.000 đồng.

- Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn bà L2, ghi nhận sự tự nguyện tại phiên tòa của nguyên đơn ông L1. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2022/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B2, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến tranh luận của đương sự và phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử theo quy định.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn bà L2 đồng ý trả cho ông L1 số tiền hùn vốn nuôi sò 150.000.000 đồng, nhưng xin trả dần và không đồng ý trả số tiền lãi 75.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về nội dung vụ án: Bị đơn ông Q và bà L2 thừa nhận có nhận tiền của nguyên đơn ông L1 hùn vốn nuôi sò là 150.000.000 đồng, hẹn đến ngày 02/7/2020 ông bà trả cho ông L1 225.000.000 đồng theo biên nhận ngày 06/9/kỷ hội (ngày 06 tháng 9 năm 2019), nhưng đến hạn trả tiền ông Q và bà L2 không trả.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông L1 yêu cầu bị đơn ông Q và bà L2 trả cho ông 225.000.000 đồng tiền hùn vốn nuôi sò.

Xét giao dịch hợp tác nuôi sò giữa ông L1 với ông Q và bà L2 là hoàn toàn tự nguyện, các bên tự thỏa thuận về lãi suất và thời gian thanh toán là phù hợp quy định theo quy định tại Điều 504 Bộ luật dân sự năm 2015. Bị đơn ông Q và bà L2 đã nhận được số tiền hùn vốn và hiện tại còn nợ nguyên đơn ông L1 số tiền hùn vốn nuôi sò 150.000.000 đồng và 75.000.000 đồng lợi nhuận theo biên nhận ngày 06/9/kỷ hội (ngày 06 tháng 9 năm 2019) thì phải có nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 507 Bộ luật dân sự năm 2015. Giao dịch hợp tác nuôi sò giữa ông L1 với ông Q và bà L2 không thỏa thuận ông L1 phải chịu trách nhiệm rủi ro hoặc chia theo tỷ lệ tương ứng với phần đóng góp của mỗi người mà chỉ thỏa thuận ông L1 hùn vốn nuôi sò 150.000.000 đồng, đến ngày 02/7/2020 ông Q và bà L2 trả cho ông L1 225.000.000 đồng (số tiền vốn gốc 150.000.000 đồng và 75.000.000 đồng lợi nhuận). Cấp sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông L1, buộc bị đơn ông Q và bà L2 trả cho nguyên đơn ông L1 225.000.000 đồng (số tiền vốn gốc 150.000.000 đồng và 75.000.000 đồng lợi nhuận) tiền hùn vốn nuôi sò; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông L1 đối với yêu cầu bị đơn ông Q và bà L2 trả tiền lãi chậm trả là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông L1 tự nguyện chỉ yêu cầu bị đơn ông Q và bà L2 trả cho trả nguyên đơn ông Nguyễn Thanh Liên số tiền tổng cộng là 210.000.000 đồng (số tiền vốn gốc 150.000.000 đồng và 60.000.000 đồng lợi nhuận), sự tự nguyện của nguyên đơn ông L1, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên ghi nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu xin trả dần của bị đơn bà L2 không được nguyên đơn ông L1 chấp nhận, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

Từ những căn cứ nhận định trên, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn bà L2, ghi nhận sự tự nguyện tại phiên tòa của nguyên đơn ông L1. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2022/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B2, tỉnh Kiên Giang.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2022/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B2, tỉnh Kiên Giang bị sửa, nhưng không có lỗi của cấp sơ thẩm.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn ông Q và bà L2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.500.000 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn ông L1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.562.125 đồng theo biên lai thu số 0007210 ngày 25/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B2, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho bị đơn bà L2 số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004791 ngày 26/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn bà L2.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2022/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B2, tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng các Điều 280, Điều 504, Điều 507, Điều 509 và Điều 512 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông L1 về việc “*Tranh chấp hợp đồng hợp tác*” đối với bị đơn ông Q và bà L2.

Buộc bị đơn ông Q và bà L2 trả cho nguyên đơn ông L1 số tiền hợp tác hùn vốn nuôi sò là 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông L1 đối với yêu cầu bị đơn ông Q và bà L2 trả tiền lãi chậm trả.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn ông Q và bà L2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.500.000 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn ông L1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.562.125 đồng theo biên lai thu số 0007210 ngày 25/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B2, tỉnh Kiên Giang.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho bị đơn bà L2 số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004791 ngày 26/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- TAND huyện B2;
- Chi cục THADS huyện B2;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bình Đảo